



201

Điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

PHỤ TÙNG ĐƯỜNG DÂY

Khái niệm cơ bản
Thuật ngữ và định nghĩa

TCVN 3788 – 83

HÀ NỘI – 1983

Cơ quan biên soạn và đề nghị ban hành:

Trường Đại học Bách khoa Hà nội

Cơ quan trình duyệt:

Cục Tiêu chuẩn—Đo lường—Chất lượng nhà nước
Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Cơ quan xét duyệt và ban hành:

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Quyết định ban hành số: 161/QĐ ngày 8 tháng 6 năm 1983

PHỤ TÙNG ĐƯỜNG DÂY

Khái niệm cơ bản

Thuật ngữ và định nghĩa

Арматура линейная Overhead line hardware

Основные понятия Basic concepts

Термины и определения Terms and definitions

TCVN

3788 – 83

Khuyến khích
áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những thuật ngữ và định nghĩa, các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực phụ tùng đường dây.

Những thuật ngữ quy định trong tiêu chuẩn này dùng cho các loại tài liệu, sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy, tài liệu kỹ thuật và tra cứu. Trong những trường hợp khác cũng nên dùng các thuật ngữ này.

Thuật ngữ	Định nghĩa
1. Phụ tùng đường dây Линейная арматура	Phụ tùng của các đường dây tải điện trên không và các thiết bị phân phối đặt ở ngoài trời. <i>Chú thích:</i> Phụ tùng đường dây dùng để treo dây dẫn và dây chống sét trên cột của đường dây tải điện trên không, nối về cơ và điện, giảm rung và dao động của dây dẫn, bảo vệ chuỗi cách điện khỏi tác động của hồ quang điện, cân bằng điện thế và tạo ra khe hở phóng điện cho trước.
2. Cái treo cách điện Изолирующая подвеска	Một hoặc một số cái cách điện đã lắp với nhau cùng với phụ tùng đường dây. <i>Chú thích:</i> Cần phân biệt cái treo cách điện cho dây dẫn và cho dây chống sét.
3. Phụ tùng liên kết Сцепная арматура	Phụ tùng đường dây để nối các bộ phận của cái treo cách điện và để giữ chặt cái treo và dây chống sét với cột.
4. Chi tiết Узел крепления	Chi tiết phụ tùng liên kết để tạo khớp nối động trong hai mặt phẳng vuông góc nhau của cái treo cách điện hoặc các bộ phận kẹp giữ dây chống sét với cột.

(tiếp theo)

Thuật ngữ	Định nghĩa
5. Cái móc của phụ tùng liên kết Скоба сцепной арматуры	Chi tiết của phụ tùng liên kết dùng để tạo khớp nối dạng xích.
6. Khâu nối trung gian Промежуточное звено	Một khâu của phụ tùng liên kết để nối dài cái treo cách điện, để chuyển từ dạng ghép nối này sang dạng ghép nối khác hoặc để nối các bộ phận mang tải khác nhau, để thay đổi trục của khớp nối để điều chỉnh chiều dài và làm đơn giản việc lắp ráp cái treo cách điện. <i>Chú thích:</i> Tùy theo chức năng mà phân ra khâu nối trung gian nối dài, khâu nối trung gian chuyển tiếp, khâu nối trung gian tháo được, khâu nối trung gian điều chỉnh và khâu nối trung gian lắp ráp
7. Khóa tăng (tăng đỡ) Талреп	Chi tiết của phụ tùng liên kết dùng để điều chỉnh chiều dài một cách liên tục
8. Đòn nối của phụ tùng liên kết Коромысло сцепной арматуры	Chi tiết phụ tùng liên kết dùng để nối chuỗi cách điện, thanh cách điện hoặc các dây dẫn trong cùng một pha.
9. Khuyên nối của phụ tùng liên kết Серьга сцепной арматуры	Chi tiết của phụ tùng liên kết dùng để nối mũ của cái cách điện treo với phụ tùng đường dây.
10. Chày nối của phụ tùng liên kết Пестик сцепной арматуры	Chi tiết của phụ tùng liên kết dùng để nối thanh cách điện với cái cách điện treo trong chuỗi cách điện.
11. Vấu nối của phụ tùng liên kết Ушко сцепной арматуры	Chi tiết của phụ tùng liên kết dùng để nối thanh cách điện đường dây hoặc chày nối với phụ tùng đường dây.
12. Đầu kẹp đỡ Поддерживающий зажим	Đầu kẹp để giữ dây dẫn với chuỗi đỡ của các cách điện kiểu treo hoặc thanh, cũng còn dùng để giữ dây chống sét với các bộ phận đỡ dây chống sét.

(tiếp theo)

Thuật ngữ	Định nghĩa
13. Đầu kẹp kéo Натяжной зажим	Đầu kẹp để kẹp dây dẫn hoặc dây chống sét với chuỗi kéo của cái cách điện
14. Đầu kẹp nối Соединительный зажим	Đầu kẹp để nối dây chống sét và dây dẫn.
15. Đầu kẹp nối đất Заземляющий зажим	Đầu kẹp để nối về điện dây chống sét với thiết bị nối đất của cột
16. Đầu kẹp sửa chữa Ремонтный зажим	Đầu kẹp để nối chỗ đường dây bị hư hỏng trong thời gian sửa chữa.
17. Phụ tùng tiếp xúc Контактная арматура	Phụ tùng đường dây để nối điện, tạo mạch phân nhánh và còn để nối với các khí cụ
18. Đầu nối khí cụ Аппаратный зажим	Đầu để nối dây dẫn với đầu ra của khí cụ
19. Đầu nối phân nhánh Отвеченный зажим	Đầu để tạo mạch phân nhánh từ dây dẫn.
20. Bộ chống rung Гаситель вибрации	Chi tiết của phụ tùng đường dây để chống rung động của dây dẫn và dây chống sét.
21. Thanh giữ cự ly Дистанционная распорка	Chi tiết của phụ tùng đường dây để giữ một khoảng cách nhất định cho trước giữa các dây dẫn phân rời của cùng một pha
22. Tải trọng Балласт	Chi tiết của phụ tùng đường dây để tăng tải trọng tác động lên cái treo cách điện.
23. Phụ tùng bảo vệ Защитная арматура	Phụ tùng đường dây dùng để giảm điện thế của điện trường để cân bằng điện thế trên các phần tử của cái treo cách điện, đồng thời để bảo vệ cái cách điện khỏi tác động của hồ quang điện. Chú thích: Tùy theo kết cấu mà phân ra màn bảo vệ và vòng bảo vệ.

(tiếp theo)

Thuật ngữ	Định nghĩa
<p>21. Sừng phóng điện Разрядный рог</p>	<p>Chi tiết của phụ tùng đường dây để tạo ra khoảng cách phóng điện trên cái cách điện hoặc trên chuỗi cách điện của cái treo cách điện và dây chống sét.</p>
<p>25. Bộ treo kiểu puti Многоруликовый подвес</p>	<p>Chi tiết của phụ tùng đường dây dùng để treo dây dẫn ở các cột trung gian có khoảng vượt lớn</p>
<p>26. Chốt bãm của phụ tùng đường dây Замок линейной арматуры</p>	<p>Chi tiết của phụ tùng đường dây có khớp nối cầu dùng để ngăn ngừa chuỗi cách điện treo rời khỏi phụ tùng liên kết.</p>
<p>27. Phụ tùng kẹp giữ cách điện đứng.</p>	<p style="text-align: center;">—</p> <p><i>Chú thích:</i> Tùy theo kết cấu mà phân ra thanh và móc.</p>